

PHỤ LỤC 2
CHI PHÍ LẬP NHIỆM VỤ QUY HOẠCH PHÂN KHU KHU VỰC HỒ NƯỚC CỬA CẠN,
ĐẶC KHU PHÚ QUỐC, TỈNH AN GIANG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 05/9/2025 của UBND tỉnh)

I. Căn cứ pháp lý:

- Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 26/11/2024;
- Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội;
- Căn cứ Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn;
- Căn cứ Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07/5/2025 của Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu;
- Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2014/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

II. Dự toán chi phí quy hoạch:

Áp dụng Phụ lục số 02, Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	DIỄN GIẢI	GIÁ TRỊ (ĐỒNG)	GHI CHÚ
1	Chi phí chuyên gia		45.378.000	Ccg
1.1	Chủ nhiệm: Chuyên gia tư vấn có từ 5 đến dưới 10 năm kinh nghiệm (không quá 40.000.000 đồng/tháng/26 ngày)	1 người x 1.538.000 đồng/ngày x 5 ngày	7.690.000	Điều 3 Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07/5/2025 của Bộ Nội vụ
1.2	Chủ trì thiết kế: Chuyên gia tư vấn có từ 5 đến dưới 10 năm kinh nghiệm (không quá 40.000.000 đồng/tháng/26 ngày)	2 người x 1.538.000 đồng/ngày x 7 ngày	21.532.000	
1.3	Tổ tham gia thiết kế: Chuyên gia tư vấn có dưới 5 năm kinh nghiệm (không quá 30.000.000 đồng/tháng/26 ngày)	2 người x 1.154.000 đồng/ngày x 7 ngày	16.156.000	
2	Chi phí quản lý	50% x Ccg	22.689.000	Cql
3	Chi phí khác		19.970.000	Ck
3.1	Chi phí đi lại của chuyên gia	2 lần x 5.800.000 đồng/lần	11.600.000	(1) Đi khảo sát, thu thập các số liệu liên quan; (2) Phối hợp đi báo cáo tại địa phương
-	Vé tàu từ Rạch Giá đi Phú Quốc (khứ hồi)	2 người x 700.000 đồng/người	1.400.000	Tạm tính theo đơn giá thực tế
-	Phụ cấp lưu trú (1 ngày đi + 1 ngày ở + 1 ngày về)	2 người x 400.000 đồng/người x 3 ngày	2.400.000	Thông tư số 12/2025/TT-BTC

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	DIỄN GIẢI		GIÁ TRỊ (ĐỒNG)	GHI CHÚ
-	Tiền phòng nghỉ (2 đêm)	2 người x	500.000 đồng/người x 2 đêm	2.000.000	ngày 19/3/2025
3.2	Chi phí lưu trữ			875.000	
-	Chi phí in ấn thuyết minh; các văn bản, tài liệu liên quan		50.000 đồng/bộ x 7 bộ	350.000	Tạm tính theo đơn giá thực tế
-	Chi phí in ấn bản vẽ khổ A3 màu	1 bản vẽ x	15.000 đồng/bản vẽ x 7 bộ	105.000	
-	Chi phí in ấn bản vẽ khổ A0 màu	1 bản vẽ x	60.000 đồng/bản vẽ x 7 bộ	420.000	
3.3	Chi phí hội nghị, hội thảo	1 lần x	2.935.000 đồng/lần	2.935.000	
-	Chi phí in ấn thuyết minh; các văn bản, tài liệu liên quan	25 người x	50.000 đồng/bộ	1.250.000	Tạm tính theo đơn giá thực tế
-	Chi phí in ấn bản vẽ khổ A3 màu	25 người x	15.000 đồng/bản vẽ x 1 bản vẽ	375.000	
-	Chi phí in ấn bản vẽ khổ A0 màu		60.000 đồng/bản vẽ x 1 bản vẽ	60.000	
-	Chi phí nước uống	25 người x	50.000 đồng/một buổi (nửa ngày)/đại biểu	1.250.000	Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025
3.4	Các khoản chi phí khác			4.560.000	
-	Phối hợp báo cáo tại địa phương	1 lần x	2.935.000 đồng/lần	2.935.000	
+	Chi phí in ấn thuyết minh; các văn bản, tài liệu liên quan	25 người x	50.000 đồng/bộ	1.250.000	Tạm tính theo đơn giá thực tế
+	Chi phí in ấn bản vẽ khổ A3 màu	25 người x	15.000 đồng/bản vẽ x 1 bản vẽ	375.000	
+	Chi phí in ấn bản vẽ khổ A0 màu		60.000 đồng/bản vẽ x 1 bản vẽ	60.000	
+	Chi phí nước uống	25 người x	50.000 đồng/một buổi (nửa ngày)/đại biểu	1.250.000	Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025
-	Phối hợp lấy ý kiến Hội đồng thẩm định	1 lần x	1.625.000 đồng/lần	1.625.000	
+	Chi phí in ấn thuyết minh; các văn bản, tài liệu liên quan	25 người x	50.000 đồng/bộ	1.250.000	Tạm tính theo đơn giá thực tế
+	Chi phí in ấn bản vẽ khổ A3 màu	25 người x	15.000 đồng/bản vẽ x 1 bản vẽ	375.000	
4	Thu nhập chịu thuế tính trước		(Ccg + Cql) x 6%	4.084.000	TN
	Chi phí lập Nhiệm vụ quy hoạch (trước thuế)		Ccg + Cql + Ck + TN	92.121.000	T
5	Thuế giá trị gia tăng		(Ccg + Cql + Ck + TN) x 8%	7.370.000	VAT
			Chi phí lập Nhiệm vụ quy hoạch (sau thuế)	99.491.000	Ctv